Phụ lục III

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / /2021 của Bộ Nội vụ)

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số CB, CC cấp huyện sắp xếp	Bố trí theo quy định	Dôi dư	Cán bộ cấp huyện	Công chức cấp huyện	Giải quyết trong năm 2019				Giải quyết trong năm 2020				6 tháng đầu năm 2021				Tổng số dôi dư sau sắp xếp
							Tổng số dôi dư giải quyết	Chia ra			Tổng số dôi dư giải quyết	Chia ra			Tổng số dôi dư giải quyết	Chia ra			
								Nghỉ hưu đúng tuổi và theo NĐ26	Nghỉ theo tinh giản biên chế	Bố trí sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (còn biên chế)		Nghỉ hưu đúng chế độ (hưu, NĐ26)	Nghỉ theo tinh giản biên chế	Bố trí sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (còn biên chế)		Nghỉ hưu đúng tuổi và theo NĐ26	Nghỉ theo tinh giản biên chế	Bố trí sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (còn biên chế)	
1	Cao Bằng	653	450	203	58	145	17	6	6	5	22	7	15	0	2	2	0	0	162
2	Hòa Bình	283	185	98	7	91	0	0	0	0	53	4	27	22	13	3	3	7	32
3	Quảng Ngãi	248	160	88	10	78	0	0	0	0	15	1	14	0	23	2	21	0	50
4	Quảng Ninh	327	283	44	13	31	5	5	0	0	4	4	0	0	12	12	0	0	23
5	Hồ Chí Minh	630	474	156	18	138	0	0	0	0	0	0	0	0	20	4	0	16	136
	Tổng	**2,141**	**1,552**	**589**	**106**	**483**	**22**	**11**	**6**	**5**	**94**	**16**	**56**	**22**	**70**	**23**	**24**	**23**	**403**

Phụ lục III

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / /2021 của Bộ Nội vụ)

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số CB, CC cấp huyện sắp xếp	Bố trí theo quy định	Dôi dư	Cán bộ cấp huyện	Công chức cấp huyện	Giải quyết trong năm 2019				Giải quyết trong năm 2020				6 tháng đầu năm 2021				Tổng số dôi dư sau sắp xếp
							Tổng số dôi dư giải quyết	Chia ra			Tổng số dôi dư giải quyết	Chia ra			Tổng số dôi dư giải quyết	Chia ra			
								Nghỉ hưu đúng tuổi và theo NĐ26	Nghỉ theo tinh giản biên chế	Bố trí sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (còn biên chế)		Nghỉ hưu đúng chế độ (hưu, NĐ26)	Nghỉ theo tinh giản biên chế	Bố trí sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (còn biên chế)		Nghỉ hưu đúng tuổi và theo NĐ26	Nghỉ theo tinh giản biên chế	Bố trí sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (còn biên chế)	
1	Cao Bằng	653	450	203	58	145	17	6	6	5	22	7	15	0	2	2	0	0	162
2	Hòa Bình	283	185	98	7	91	0	0	0	0	53	4	27	22	13	3	3	7	32
3	Quảng Ngãi	248	160	88	10	78	0	0	0	0	15	1	14	0	23	2	21	0	50
4	Quảng Ninh	327	283	44	13	31	5	5	0	0	4	4	0	0	12	12	0	0	23
5	Hồ Chí Minh	630	474	156	18	138	0	0	0	0	0	0	0	0	20	4	0	16	136
	Tổng	**2,141**	**1,552**	**589**	**106**	**483**	**22**	**11**	**6**	**5**	**94**	**16**	**56**	**22**	**70**	**23**	**24**	**23**	**403**